TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

2. Ông Đặng Khoa Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Trần Thị Tuyết P, sinh năm: 1993. (có mặt).

Địa chỉ: số 107/2, ấp Q xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: ông Ngô Ngọc T, sinh năm: 1976. (có mặt).

Địa chỉ: số 1091/55, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Trần Thị Tuyết P trình bày: bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân do tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Khánh, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi sinh con xong thì vợ chồng dọn về nhà chồng ở, trong thời gian này ông T không quan tâm vợ con, mâu thuẫn về tiền bạc, bà và ông T có vài lần cự cãi, ông T có đánh bà, mặt khác khi sống chung với gia đình chồng thì xảy ra mâu

thuẫn nghiêm trọng giữa bà và mẹ chồng. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2017. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu B sống với bà, bà và cháu B sống tại nhà cha mẹ ruột ở ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Do dịch bệnh trường mẫu giáo không chịu nhận bé nên bà chưa cho con đi học mẫu giáo mà tự chăm sóc cháu tại nhà. Đồng thời, bà đi làm thuê mỗi ngày thu nhập khoảng 100.000 đồng vẫn đảm bảo điều kiện sinh hoạt tốt nhất cho cháu B, hiện nay cháu đã sống với bà ổn định từ tháng 01/2020 nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân do vợ chồng tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng đầu năm 2020 thì giữa bà P và mẹ ông có phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, bà P dắt con về nhà cha mẹ ruột ở Bến Tre cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà P, do bà P cương quyết thì ông tôn trọng ý kiến của bà P và đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2017. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông đang làm công nhân tại Tập đoàn Lộc Trời, mỗi ngày ông đi làm từ 7 giờ sáng đến 11 giờ và buổi chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30 phút, thứ bảy và chủ nhật được nghỉ. Thu nhập bình quân mỗi tháng 5.500.000 đồng đủ khả năng nuôi con, hiện nay ông có nhà riêng và sống chung với mẹ ruột. Từ tháng 1/2020 đến nay mặc dù vợ chồng không còn chung sống nhưng ông vẫn đến thăm con và gửi tiền mua sữa để bà P chăm sóc con. Ông đã lớn tuổi và mới có đứa con đầu tiên nên rất thương con, muốn được trực tiếp nuôi con, hiện nay bà P không có công việc ổn định, không đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Những lần ông đến thăm con thì không thấy bà P có hành vi đánh đập hoặc ngược đãi cháu B nhưng điều kiện kinh tế của bà P không đảm bảo nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Ngọc T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Trần Thị Tuyết P yêu cầu ly hôn với ông Ngô Ngọc T. Ông T có nơi cư trú tại khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Trần Thị Tuyết P và ông Ngô Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, bà P xác định không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, tại biên bản hòa giải ngày 30/11/2020 và tại phiên tòa, ông T cũng có ý kiến đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà P xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân, ông T cũng có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà P. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà P và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2017, bà P và ông T cùng có yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy từ khi bà P và ông T không còn chung sống với nhau thì cháu B sống chung với bà P cho đến nay. Xét thấy, trong thời gian cháu B sống với bà P, cháu đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, tâm tư, tình cảm của cháu cũng gắn liền với mẹ, xem xét hoàn cảnh, điều kiện kinh tế hiện nay của bà P vẫn đảm bảo cho cháu B phát triển về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu B là bé gái và mới hơn 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, ông T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà P có hành vi ngược đãi hoặc không chăm sóc tốt cho cháu B. Do đó, để duy

trì cuộc sống ổn định cho cháu B, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà P không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà P và ông T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: bà P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Trần Thị Tuyết P.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Trần Thị Tuyết P và ông Ngô Ngọc T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118, ngày 12/7/2019 do UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Lê Trần Thị Tuyết P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2017.

Ông Ngô Ngọc T không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Lê Trần Thị Tuyết P và ông Ngô Ngọc T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên

đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Lê Trần Thị Tuyết P và ông Ngô Ngọc T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Trần Thị Tuyết P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005565 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà P đã nộp xong.

Bà Lê Trần Thị Tuyết P, ông Ngô Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên